

# ViewSonic® ĐÈN LED NHÌN TRỰC TIẾP LDS136-152

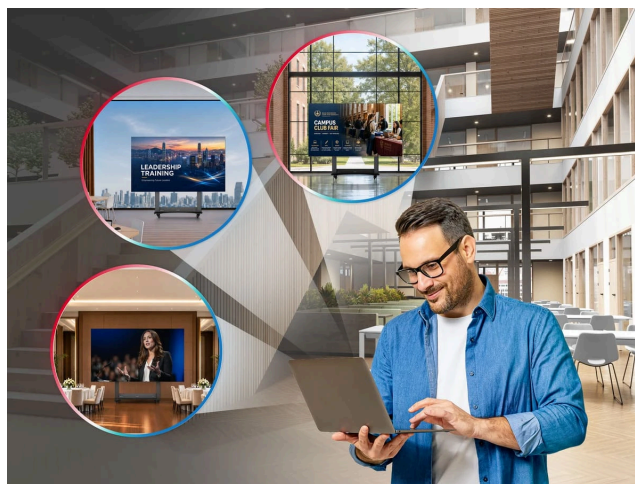
## Các tính năng chính

- Thiết kế có thể gấp lại giúp dễ dàng di chuyển qua thang máy, cửa ra vào và những không gian chật hẹp, thuận tiện cho việc sử dụng.
- Được lắp ráp sẵn, thiết lập không cần dụng cụ cho phép khởi động tức thì mà không cần cài đặt.
- Hộp điều khiển tích hợp và chân đế điều chỉnh độ cao bằng động cơ hàng đầu trong ngành đảm bảo tầm nhìn rõ ràng.
- Lớp bảo vệ bề mặt GOB và hộp đựng chuyên dụng giúp bảo vệ màn hình trong quá trình sử dụng và vận chuyển.
- Điều khiển từ xa duy nhất giúp điều chỉnh cài đặt hiển thị và chiều cao chân đế, đơn giản hóa thao tác.



## Mô tả sản phẩm

Màn hình LED trực tiếp All-in-One di động thế hệ thứ 4 ViewSonic® LDS136-152 được thiết kế để triển khai nhanh chóng, vận chuyển dễ dàng và vận hành đơn giản. Với thiết kế lắp ráp sẵn và hộp điều khiển tích hợp với chân đế có động cơ, việc thiết lập chỉ mất 10 phút mà không cần gắn tường. Màn hình có thể gấp lại giúp giảm đáng kể kích thước đóng gói, cải thiện hiệu quả vận chuyển và cho phép vận chuyển dễ dàng qua những không gian chật hẹp và giữa các địa điểm. Chân đế có động cơ có thể kéo dài đến 1148 cm (3,76 ft), đảm bảo tầm nhìn rõ ràng cho người xem. Hệ thống điều khiển tích hợp và cổng I/O phía sau trong chân đế có động cơ cho phép quản lý cáp gọn gàng và vẻ ngoài không viền, sạch sẽ. Một điều khiển từ xa duy nhất điều chỉnh chiều cao chân đế và cài đặt màn hình, đơn giản hóa việc vận hành. Với lớp phủ bề mặt GOB đạt chuẩn IP65 và IK06, màn hình có khả năng chống bụi, ẩm và va đập trong quá trình sử dụng. Với màn hình liền mạch 136 inch và loa kép 30W, LDS136-152 lý tưởng cho các phòng họp cao cấp, khu vực tiếp tân, phòng trưng bày, hội trường và các địa điểm lớn khác.



1. Phím nguồn
2. Đầu vào HDMI x3
3. Đầu ra HDMI
4. USB-C
5. USB x3
6. Đầu ra âm thanh
7. S/PDIF
8. Mạng LAN
9. Dịch vụ
10. RS232
11. Chèn vào OPS
12. Công tắc nguồn
13. AC trong
14. Máy tính mini dạng khe cắm



**Hãy ghé thăm chúng tôi**

[www.viewsonic.com](http://www.viewsonic.com)



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                     |                                                        |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Kích thước màn hình:                | 136"                                                   |
| Diện tích hiển thị (mm):            | 3000 (H) x 1687,5 (V)                                  |
| Độ phân giải gốc:                   | 1920x1080                                              |
| Công nghệ tấm nền:                  | Đèn LED nhìn trực tiếp                                 |
| Loại gói LED:                       | SMD 3 trong 1 (GOB)                                    |
| Dây nối:                            | Đồng                                                   |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh (mm): | 1,56                                                   |
| Độ sáng (tối đa):                   | 600 nits (có thể điều chỉnh 100 mức độ)                |
| Tỷ lệ tương phản (điển hình):       | 6500:1                                                 |
| Nhiệt độ màu:                       | 3000K - 10000K                                         |
| Định hướng:                         | Phong cảnh                                             |
| Góc nhìn (thông thường):            | H = 170, V = 170                                       |
| Tuổi thọ đèn LED (thông thường):    | 100.000 giờ                                            |
| Lưu trữ cục bộ:                     | Tổng dung lượng 64GB (dung lượng khả dụng 36GB)        |
| Hệ điều hành nhúng:                 | Android 13                                             |
| Hỗ trợ giải quyết vấn đề:           | Độ phân giải VGA (640 x 480) lên 4K (3840 x 2160@60Hz) |
| Khả năng tương thích với HDTV:      | 480p, 576p, 720p, 1080p, 2160p                         |
| Tần số ngang:                       | 31K-94kHz                                              |
| Tốc độ quét dọc:                    | 56-84Hz                                                |

ĐẦU VÀO

|                        |                                                    |
|------------------------|----------------------------------------------------|
| HDMI:                  | 4 (HDMI 2.0/HDCP 2.2) (1 cổng trong, 3 cổng ngoài) |
| USB Loại A:            | 3                                                  |
| Đầu vào RJ45:          | 3 (internet/điều khiển x1, dịch vụ x1, dự trữ x1)  |
| IR trong (3,5mm):      | 1                                                  |
| Đầu vào Wi-Fi:         | 2.4G/5G Hz                                         |
| USB Type C:            | 1 (chỉ dữ liệu)                                    |
| Khe cắm OPS (80 chân): | 1                                                  |

ĐẦU RA

|                          |                                                                                      |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngõ ra HDMI:             | 1 (HDMI 2.0/HDCP 2.2)                                                                |
| Người phát ngôn:         | 30Wx2                                                                                |
| Ngõ ra âm thanh (3.5mm): | 1                                                                                    |
| S/PDIF:                  | 1                                                                                    |
| USB Loại A (Nguồn điện): | 1 cổng USB 5V/1.5A; 2 cổng USB 5V/1A, 1 cổng USB 5V/0.5A (dùng chung với cổng USB A) |
| USB Type C (Nguồn):      | Dùng chung với cổng đầu vào USB Type C (5V/1A x1)                                    |

ĐIỀU KHIỂN

|                                |                               |
|--------------------------------|-------------------------------|
| RJ45 (Điều khiển mạng LAN):    | 1                             |
| USB Loại A (Dịch vụ):          | 1 (dùng chung với cổng USB A) |
| USB Loại B:                    | 1 (dự trữ)                    |
| RS232 (đầu nối DB 9 chân cái): | 1                             |
| Bộ thu hồng ngoại:             | 1                             |
| Cảm biến ánh sáng:             | 1                             |

NGƯỜI KHÁC

|                                                           |                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Điện áp nguồn:                                            | 100-240V ~ 50/60Hz (tùy quốc gia)                                                                                               |
| Công suất tiêu thụ (W/đơn vị):                            | 609W (điển hình), 1827W (tối đa) < 0.5W (Chế độ ngủ đông) Đồng khởi động: Chưa xác định                                         |
| Công suất tiêu tán nhiệt (BTU/giờ):                       | 2077,9 (thông thường), 6234 (tối đa)                                                                                            |
| Công suất tỏa nhiệt trên mỗi đơn vị diện tích (BTU/h/m²): | 410,4 (thông thường), 1231,4 (tối đa)                                                                                           |
| Nhiệt độ hoạt động:                                       | 0~40°C                                                                                                                          |
| Tổng số mô-đun LED:                                       | 100                                                                                                                             |
| Chỉ số bảo vệ chống xâm nhập:                             | IP65 (Mặt trước)                                                                                                                |
| Xếp hạng khả năng bảo vệ chống va đập:                    | IK06 (Phía trước)                                                                                                               |
| Trọng lượng tịnh:                                         | 594,15 lbs (269,5 kg)                                                                                                           |
| Tổng trọng lượng:                                         | 963,42 lbs (437 kg)                                                                                                             |
| Kích thước sản phẩm (Rộng x Cao x Sâu):                   | 71,68x76,68x30,71 inch (tối thiểu) (1821x1948x780 mm (tối thiểu)) 118,58x112,13x30,71 inch (tối đa) (3012x2848x780 mm (tối đa)) |
| Kích thước đóng gói (Rộng x Cao x Sâu):                   | 77,6x78,29x34,37 inch (1971x1989x873 mm)                                                                                        |

PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN

|                         |                                               |
|-------------------------|-----------------------------------------------|
| Dây nguồn:              | 1                                             |
| Cáp mạng LAN (Cat 5E):  | 1                                             |
| Cáp mở rộng hồng ngoại: | 1                                             |
| Điều khiển từ xa:       | 1 (Bluetooth & IR)                            |
| Hướng dẫn nhanh:        | 1                                             |
| Phụ tùng thay thế:      | Mô-đun LED x7, bo mạch trung tâm 3 trong 1 x3 |
| Công cụ bảo trì:        | LD-MK-006 x1                                  |

PHỤ KIỆN TÙY CHỌN

|                  |           |
|------------------|-----------|
| Công cụ bảo trì: | LD-MK-006 |
|------------------|-----------|

